

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/DS-ST
Ngày: 05/5/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đê

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Minh N**, sinh năm 1990 và chị **Trần Thùy T**, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị **Cái Diễm T1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Huỳnh Minh N và chị Trần Thùy T cùng trình bày: Vợ chồng anh chị và chị Cái Diễm T1 là bà con bạn dì, gọi chị T1 là dì. Anh chị có cho chị T1 vay tiền 02 lần cụ thể ngày 07/4/2023 cho vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng; ngày 17/4/2023 cho vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, tổng cộng là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, có làm biên nhận. Sau khi vay chị T1 có trả lãi được 16 tháng

x 1.500.000đ = 24.000.000đ, đến ngày 17/9/2024 chị T1 không trả gốc, cũng không trả lãi. Anh chị nhiều lần yêu cầu nhưng chị T1 chỉ hứa hẹn, gần đây thì cố tình tránh mặt không chịu trả. Do đó, anh chị khởi kiện yêu cầu chị T1 trả lại số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng từ ngày 17/9/2024 đến khi trả xong nợ gốc. Khi vay chỉ có một mình chị T1 thỏa thuận vay nên anh chị khởi kiện chỉ yêu cầu một mình chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai khác, cũng không yêu cầu đưa ai khác tham gia tố tụng trong vụ án.

* Bị đơn chị Cái Diễm T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh N, chị T yêu cầu chị T1 phải trả số tiền vay gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng từ ngày 17/9/2024 đến khi trả xong nợ gốc, yêu cầu một mình chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác, cũng không yêu cầu ai khác tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh N, chị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chị T1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Huỳnh Minh N, chị Trần Thùy T khởi kiện yêu cầu chị Cái Diễm T1 trả lại số tiền vay hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị T1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T1.

[3] Anh N, chị T khởi kiện cho rằng chị T1 có vay và làm biên nhận ngày 07/4/2023 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ngày 17/4/2023 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), tổng cộng là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng. Sau khi vay chị T1 có trả lãi được 16 tháng $\times 1.500.000đ = 24.000.000đ$, đến ngày 17/9/2024 chị T1 không trả gốc, cũng không trả lãi. Anh chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay chị T1 chưa trả.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, theo "biên nhận" ngày 07/4/2023 và ngày 17/9/2024 anh N, chị T cung cấp thể hiện chị T1 có thỏa thuận vay của anh N, chị T tổng cộng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) (bút lục 30). Chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã ra thông báo số 102/TB-TA ngày 05/3/2026 yêu cầu chị T1 cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện.

Theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự.

Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T1 không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, cũng không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Trong khi nguyên đơn anh N, chị T đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là "biên nhận" ngày 07/4/2023 và ngày 17/9/2024 thể hiện chị T1 có thỏa

thuận vay của anh N, chị T tổng cộng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

[5] Về lãi suất: Xét thấy, hai bên thỏa thuận vay có lãi suất 1%/tháng, vợ chồng anh N cho rằng sau khi vay chị T1 có trả lãi được 16 tháng x 1.500.000đ = 24.000.000đ, đến ngày 17/9/2024 không trả gốc, cũng không trả lãi mặc dù đã yêu cầu nhiều lần. Tòa án đã ra Thông báo số 102/TB-TA ngày 05/3/2026 yêu cầu chị T1 cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, chị T1 không có yêu cầu phản tố, không cung cấp hoặc giao nộp cho Tòa án. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng của anh N, chị T là phù hợp quy định theo Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 150.000.000đ x 1%/tháng x 19 tháng 18 ngày = 29.400.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T1 phải trả cho anh N, chị T số tiền vay gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất là 29.400.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 179.400.000đồng x 5% = 8.970.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Minh N, chị Trần Thùy T.

Buộc chị Cái Diễm T1 có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Minh N, chị Trần Thùy T số tiền vay gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 05/5/2026 là 29.400.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2026) chị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.970.000đ (tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Anh N, chị T không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp là 4.162.500đ theo lai thu số 0009640 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Bảnh